

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 8 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Mã chứng khoán: VNE
- Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84-0236.3562361)
- Fax: (84-0236.3562367) - E-mail: Info@vneco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính Tổng hợp 6 tháng đầu năm 2022 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO vào ngày 30/8/2022 tại địa chỉ website: <https://www.vneco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VNECO;



Trần Quang Cần



ECOVIS[®]
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN
VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 55

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 06/04/2022)
Ông Phạm Phú Mai	Thành viên
Ông Trần Quang Cán	Thành viên
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Như	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/04/2022)
Ông Lê Chí Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Quang Cán	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty là Ông Nguyễn Anh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ông Trần Quang Cán – Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Chủ tịch Hội đồng quản trị
và Ban Tổng Giám đốc



Trần Quang Cận
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Số: 391/2022/BCSX-E AFA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 10 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh. Hiện nay Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm. Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty. Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1334-2021-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.511.353.731.087	1.103.279.990.550
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	54.855.465.724	37.963.211.414
1. Tiền	111		50.855.465.724	37.963.211.414
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		58.550.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	58.550.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.240.536.862.881	938.642.672.478
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	844.792.568.514	639.052.311.896
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	250.181.796.361	208.657.209.805
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	146.656.908.538	105.457.360.262
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	66.764.054.702	42.494.323.979
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(67.858.465.234)	(57.018.533.464)
IV. Hàng tồn kho	140		63.769.367.386	50.836.159.168
1. Hàng tồn kho	141	4.8	63.769.367.386	50.836.159.168
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		93.642.035.096	75.837.947.490
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	89.602.168	163.020.142
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		93.552.432.928	75.674.927.348
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.261.087.352.057	1.276.666.641.942
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.096.579.964	6.143.528.791
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.3	4.422.305.773	5.143.528.791
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	4.5	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	4.6	1.674.274.191	-
II. Tài sản cố định	220		275.999.172.235	287.055.859.612
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	244.812.966.422	255.665.690.821
Nguyên giá	222		344.434.454.292	341.730.043.046
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.621.487.870)	(86.064.352.225)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.11	31.186.205.813	31.390.168.791
Nguyên giá	228		35.236.666.848	35.236.666.848
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.050.461.035)	(3.846.498.057)
III. Bất động sản đầu tư	230		222.760.124.834	222.390.124.834
1. Nguyên giá	231	4.12	222.760.124.834	222.390.124.834
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		155.217.864.140	154.347.238.308
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	4.13	79.051.730.501	78.426.736.782
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.14	76.166.133.639	75.920.501.526
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	597.484.974.880	603.508.782.167
1. Đầu tư vào công ty con	251		527.443.464.792	527.443.464.792
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.000.000.000	8.854.100.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.823.808.160	30.823.058.160
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.188.298.072)	(4.017.840.785)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		40.406.000.000	40.406.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.528.636.004	3.221.108.230
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	2.344.877.185	3.037.349.411
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		183.758.819	183.758.819
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.772.441.083.144	2.379.946.632.492

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.761.041.747.643	1.369.472.494.991
I. Nợ ngắn hạn	310		1.715.050.263.678	1.099.459.998.672
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.15	353.075.271.947	278.486.399.263
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.16	90.409.353.939	216.340.061.842
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.17	6.886.929.770	5.885.941.029
4. Phải trả người lao động	314		4.322.224.001	5.424.495.265
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.18	487.487.080.001	102.726.446.397
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.19	512.102.453	583.961.209
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.20	2.387.901.821	3.500.949.452
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.22	766.238.080.393	484.333.520.266
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.21	1.223.374.583	1.223.374.583
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.507.944.770	954.849.366
II. Nợ dài hạn	330		45.991.483.965	270.012.496.319
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.15	-	219.083.970.491
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.16	8.742.072.242	8.742.072.242
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.19	583.431.463	818.064.745
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.22	36.665.980.260	41.368.388.841
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.23	1.011.399.335.501	1.010.474.137.501
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.011.399.335.501	1.010.474.137.501
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.522.600.000	2.522.600.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.340.505.143	6.340.505.143
4. Cổ phiếu quỹ	415		(86.919.236.536)	(86.919.236.536)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.985.555.466	11.985.555.466
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		173.140.381.428	172.215.183.428
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		169.998.666.024	127.884.835.349
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.141.715.404	44.330.348.079
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.772.441.083.144	2.379.946.632.492



Trần Quang Cận
 Tổng Giám đốc
 Đà Nẵng, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Phạm Đỗ Minh Triết
 Kế toán trưởng

Võ Quang
 Người lập

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.050.402.439.872	953.872.779.834
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.050.402.439.872	953.872.779.834
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.002.990.680.741	893.649.733.356
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.411.759.131	60.223.046.478
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	8.586.018.648	1.927.918.396
7. Chi phí tài chính	22	5.4	22.142.962.146	12.461.794.202
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		20.960.792.109	12.461.794.202
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	29.736.128.253	15.649.457.177
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.118.687.380	34.039.713.495
12. Thu nhập khác	31	5.6	100.000.000	210.109.864
13. Chi phí khác	32	5.7	35.000.000	284.358.854
14. Lợi nhuận khác	40		65.000.000	(74.248.990)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.183.687.380	33.965.464.505
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	1.041.971.976	6.055.510.057
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	36.416.467
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.141.715.404	27.873.537.981



Trần Quang Cán
Tổng Giám đốc
 Đà Nẵng, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Phạm Đỗ Minh Triết
Kế toán trưởng

Võ Quang
Người lập

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		749.564.616.961	653.730.333.721
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(815.028.816.671)	(629.739.452.287)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.051.488.345)	(14.720.324.070)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(20.720.574.564)	(12.225.520.656)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(634.115.308)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13.151.490.105	38.234.206.561
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(74.642.015.518)	(37.823.276.816)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(161.726.788.032)	(3.178.148.855)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.639.765.855)	(59.516.165.993)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		100.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		(180.599.137.351)	(20.376.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		80.349.713.163	5.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.000.000.000)	(74.700.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		5.857.166.150	1.850.600.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.352.730.839	88.256.303
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(98.579.293.054)	(147.653.309.690)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	743.591.416.006	540.301.423.243
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(466.389.264.460)	(416.867.836.899)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.816.150)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		277.198.335.396	123.433.586.344
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		16.892.254.310	(27.397.872.201)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		37.963.211.414	83.886.862.674
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		54.855.465.724	56.488.990.473



Trần Quang Cán
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Phạm Đồ Minh Triết
Kế toán trưởng

Võ Quang
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101450 ngày 01 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 07 năm 2020.

Tổng Công ty đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu niêm yết trên thị trường tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 86/QĐ-TTGĐCK ngày 01 tháng 08 năm 2007 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán VNE. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán VNE là ngày 09 tháng 08 năm 2007.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 904.329.530.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 159 (31 tháng 12 năm 2021 là: 149).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng; Xây dựng hệ thống cấp ngưng cấp điện áp đến 220KV;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện; Đầu tư nhà máy điện độc lập;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế; Tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dạy chuyên công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác; Bán buôn thiết bị văn phòng;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái. Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đầu tư tài chính;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí bãi biển, khu bãi tắm biển, hoạt động của các phòng hát karaoke và các dịch vụ phụ trợ khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Kinh doanh, sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Bán buôn, lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn các mặt hàng trang trí nội, ngoại thất; Bán buôn thiết bị vệ sinh;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn bánh kẹo, rượu, bia sản xuất trong nước; Bán buôn các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hóa mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương. Chi tiết: Vận tải hành khách ven biển;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản (trừ đấu giá bất động sản); Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Quản lý bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình điện, công nghiệp, dân dụng, tư vấn giám sát, đền bù, giải phóng mặt bằng; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình, giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ điện công trình; Khảo sát công trình; Giám sát công tác xây dựng bao gồm: giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; giám sát công tác xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp; giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Chỉ cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam (Inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam;
- Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Xây dựng các công trình, các nhà máy điện gió, điện mặt trời.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Tổng Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:					
1.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Khởi 3, P. Trung Đô, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	52,93%	52,93%	52,93%
2.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Số 197 Nguyễn Trường Tộ, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	54,73%	54,73%	54,73%
3.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Số 10 Đào Duy Từ, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	55,93%	55,93%	55,93%
4.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Số 155 Lý Thường Kiệt, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	65,73%	65,73%	65,73%
5.	Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	100,00%	100,00%	100,00%
6.	Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	100,00%	100,00%	100,00%
7.	Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Số 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	100,00%	100,00%	100,00%
8.	Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Số 132 Cao Đức Lân, P. An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%
9.	Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Số 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	100,00%	100,00%	100,00%
10.	Công ty Cổ phần VNECO - RME	Số 99 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	51,00%	41,38%	51,00%
11.	Công ty Cổ phần năng lượng VNECO	Số 125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	0,00%	0,00%

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết:					
1.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	40,06%	40,06%	40,06%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2022 gồm:

STT	Tên	Địa chỉ
Đơn vị trực thuộc		
1.	Khách sạn Xanh Đà Nẵng	Số 64 Hoàng Văn Thái, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
2.	Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh	Số 337/30 Tân Kỳ Tân Quý, P. Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
3.	Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam - CN miền Bắc	Số 10A15 Đàm Trầu, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản cho vay khó đòi. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Tổng Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2022</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Bảng sáng chế và thương hiệu

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.14. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.15. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.16. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

3.17. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho dự án chuyển nhượng bất động sản; khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

3.18. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Quý dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.19. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.20 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.20. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.22. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

3.23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.24. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%, được áp dụng mức thuế suất 8% kể từ ngày 01/12/2022 đến 31/12/2022 theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.25. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7.

3.26. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ		1.970.459.402		1.693.554.988
VND		1.970.459.402		1.693.554.988
Tiền gửi ngân hàng		48.885.006.322		36.269.656.426
+ VND		48.796.552.281		36.181.202.385
+ USD	3.900,09 #	88.454.041	3.900,09 #	88.454.041
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		4.000.000.000		-
Cộng		54.855.465.724		37.963.211.414

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	58.550.000.000	58.550.000.000	-	-
Cộng	58.550.000.000	58.550.000.000	-	-
Dài hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	17.226.000.000	17.226.000.000	17.226.000.000	17.226.000.000
Trái phiếu BIDV (***)	23.180.000.000	23.180.000.000	23.180.000.000	23.180.000.000
Cộng	40.406.000.000	40.406.000.000	40.406.000.000	40.406.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn theo các hợp đồng:

- + Hợp đồng số 908/2022/8097, kỳ hạn 6 tháng, số tiền: 20.100.000.000 VND, lãi suất 3,9%/năm.
- + Hợp đồng số 908/2022/15549, kỳ hạn 6 tháng, số tiền: 10.000.000.000 VND, lãi suất 3,7%/năm.
- + Hợp đồng số 908/2022/16689, kỳ hạn 6 tháng, số tiền: 10.000.000.000 VND, lãi suất 3,7%/năm.
- + Hợp đồng số 908/2022/3002, kỳ hạn 6 tháng, số tiền: 10.000.000.000 VND, lãi suất 3,9%/năm.
- + Hợp đồng số 908/2022/5318, kỳ hạn 6 tháng, số tiền: 10.000.000.000 VND, lãi suất 3,9%/năm.

(**) Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn theo các hợp đồng:

- + Hợp đồng số 199/2021/242753/HĐTG, kỳ hạn: 24 tháng, số tiền: 7.842.000.000 VND, lãi suất 4,9%/năm.
- + Hợp đồng số 025/2021/242753/HĐTG, kỳ hạn: 23 tháng, số tiền: 9.384.000.000 VND, lãi suất: 2,9%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(***) Trái phiếu Ngân hàng BIDV bao gồm:

+ Mã trái phiếu BIDLH2128016, có mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, số lượng: 20 trái phiếu, ngày phát hành: 16/07/2021, kỳ hạn 7 năm, lãi suất áp dụng cho kỳ trả lãi từ 16/7/2021 đến 16/7/2022 là 6,18%/năm.

+ Mã trái phiếu BID2_19.05, có mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, số lượng: 318 trái phiếu, ngày phát hành: 26/09/2019, kỳ hạn 10 năm, lãi suất áp dụng cho kỳ trả lãi từ 26/09/2021 đến 26/09/2022 là 6,83%/năm.

Trái phiếu Ngân hàng BIDV và các khoản tiền gửi có kỳ hạn hiện đang được thế chấp để đảm bảo thanh toán L/C trả chậm của dự án "Đầu tư hệ thống thiết bị phục vụ lắp dựng Turbine điện gió" của Tổng Công ty.

TÓNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

Tại ngày 30/06/2022
VND

Tại ngày 01/01/2022
VND

	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con:						
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3 (*)	6.985.720.000	-	7.335.006.000	6.985.720.000	-	9.989.579.600
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4 (*)	5.192.580.000	-	45.570.762.000	5.192.580.000	-	34.206.201.600
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (*)	9.746.980.000	(718.005.095)	6.946.982.100	9.746.980.000	-	10.672.175.400
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12 (*)	7.887.000.000	-	6.388.470.000	7.887.000.000	-	7.887.000.000
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1 (**)	440.000.000.000	-	440.000.000.000	440.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng (**)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung (**)	1.631.184.792	(1.185.531.891)	1.631.184.792	1.631.184.792	(733.079.699)	-
Công ty TNHH Đầu tư VNECO (**)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO (**)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần VNECO - RME (**)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Cộng	527.443.464.792	(1.903.536.986)		527.443.464.792	(733.079.699)	
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2 (*)	-	-	-	5.854.100.000	-	8.284.715.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10 (**)	4.000.000.000	-	-	3.000.000.000	-	-
Cộng	4.000.000.000	-	-	8.854.100.000	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 1 (*)	179.472	-	80.000	179.472	-	156.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 9 (*)	916.740	-	316.800	916.740	-	782.100
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2 (*)	750.000	-	622.500	-	-	-
Công ty CP Chế tạo kết cấu thép VNECO SSM (*)	1.913.808	-	582.400	1.913.808	-	842.400
Công ty CP Sông Ba (*)	48.140	-	152.600	48.140	-	136.150
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hải Xuân VNECO (**)	30.820.000.000	(3.284.761.086)	-	30.820.000.000	(3.284.761.086)	-
Cộng	30.823.808.160	(3.284.761.086)	-	30.823.058.160	(3.284.761.086)	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tình hình hoạt động của các Công ty con trong kỳ:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Hoạt động kinh doanh lỗ	Công ty trong giai đoạn đầu tư
Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Hoạt động kinh doanh lỗ	Công ty trong giai đoạn đầu tư
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh hòa vốn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần VNECO - RME		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tình hình hoạt động của các Công ty liên kết trong kỳ:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Hoạt động kinh doanh có lãi	Tổng Công ty đánh giá không thu hồi được, đã lập dự phòng đầy đủ 100%

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty con, công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Mục 8.

(*) Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ.

(**) Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Công ty CP Xây dựng & Phát triển Cơ sở Hạ tầng số 9 HN	175.355.342.936	-
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	125.783.305.824	41.910.101.917
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	124.527.319.013	37.778.382.299
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	94.367.645.206	194.080.301.493
Công ty CP Thương Mại REENIZE	65.989.345.367	152.680.483.190
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hội Xuân VNECO	56.368.465.234	56.368.465.234
Các khách hàng khác	202.401.144.934	156.234.577.763
Cộng	844.792.568.514	639.052.311.896
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	96.104.003.555	196.058.337.978
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3	955.635.143	1.361.168.734
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8	1.241.023.521	1.556.712.948
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	2.225.647.109	2.225.647.109
Cộng	4.422.305.773	5.143.528.791
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	4.422.305.773	5.143.528.791

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thương Mại Xây Lắp Điện 4	47.724.251.042	47.724.251.042
Công ty TNHH Thiết Bị và Công Nghệ TCA Việt Nam	76.778.260.000	77.577.060.000
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng (*)	25.493.022.727	25.493.022.727
Các nhà cung cấp khác	100.186.262.592	57.862.876.036
Cộng	250.181.796.361	208.657.209.805
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	2.828.919.865	4.081.475.468

(*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu về cho vay

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	120.400.000.000	92.486.000.000
Các đối tượng khác	26.256.908.538	12.971.360.262
Cộng	146.656.908.538	105.457.360.262
Trong đó: Phải thu về thu xếp vốn là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	135.220.428.176	93.946.732.740
Dài hạn:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000
Trong đó: Phải thu về thu xếp vốn là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	1.000.000.000	1.000.000.000

Công ty thu xếp vốn ngắn hạn theo các hợp đồng sau:

- + Hợp đồng số 01/2022/HĐTXV/VNE-THUANNHIENPHONG ngày 20/01/2022 với Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong, thời hạn thu xếp vốn: 12 tháng, phí thu xếp vốn: 7,5%/năm.
- + Hợp đồng số 01/2021/HĐTXV/VNECO-MALBLUE ngày 14/09/2021 với Công ty CP Malblue, thời hạn thu xếp vốn: 12 tháng, phí thu xếp vốn: 7,5%/năm.
- + Hợp đồng số 01/2022/HĐTXV/VNE-POWERCON ngày 27/01/2022 với Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng Vneco, thời hạn thu xếp vốn: 12 tháng, phí thu xếp vốn: 7,5%/năm.
- + Hợp đồng số 01/2022/HĐTXV/VNE-THAINAMPBAT ngày 20/01/2022 với Công ty CP Xây dựng điện Thái Nam Phát, thời hạn thu xếp vốn: 12 tháng, phí thu xếp vốn: 7,5%/năm.
- + Hợp đồng số 01/2022/HĐTXV/VNE-NTG ngày 02/04/2022 với Công ty TNHH Nhật Tâm Gia, thời hạn thu xếp vốn: 12 tháng, phí thu xếp vốn: 7,5%/năm.
- + Hợp đồng số 01/2022/HĐTXV/VNE-HUNGQUY ngày 02/01/2022 với Công ty TNHH Hùng Quý, thời hạn thu xếp vốn: 12 tháng, phí thu xếp vốn: 7,5%/năm.
- + Hợp đồng số 01/2022/HĐTXV/VNE-HOANGPHUONGTUNG ngày 20/01/2022 với Công ty TNHH XD và TM Hoàng Phương Tùng, thời hạn thu xếp vốn: 12 tháng, phí thu xếp vốn: 7,5%/năm.
- + Hợp đồng số 01/2022/HĐTXV/VNE-HANHATMINH ngày 25/02/2022 với Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Hà Nhật Minh, thời hạn thu xếp vốn: 12 tháng, phí thu xếp vốn: 7,5%/năm.
- + Hợp đồng số 01/2022/HĐTXV/VNE-DONGVINHTHINH ngày 20/01/2022 với Công ty TNHH Đồng Vinh Thịnh, thời hạn thu xếp vốn: 12 tháng, phí thu xếp vốn: 7,5%/năm.
- + Hợp đồng số 01/2022/HĐTXV/VNE-VNECO12 ngày 20/01/2022 với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco 12, thời hạn thu xếp vốn: 12 tháng, phí thu xếp vốn: 7,5%/năm.
- + Hợp đồng số 01/2022/HĐTXV/VNE-RME ngày 28/03/2022 với Công ty Cổ phần VNECO-RME, thời hạn thu xếp vốn: 12 tháng, không có phí thu xếp vốn.

Công ty thu xếp vốn dài hạn theo hợp đồng số 03/2018/HĐTXV ngày 23/11/2018 với Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3, thời hạn thu xếp vốn: 5 năm, phí thu xếp vốn: 10%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.6. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng	37.230.310.173	-	21.355.545.777	-
Công ty TNHH TM Xây dựng Phúc Văn Hà	11.490.000.000	11.490.000.000	11.490.000.000	11.490.000.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn, lãi thu xếp vốn	13.379.001.772	-	5.509.990.847	-
Lãi dự thu trái phiếu BIDV	1.352.032.898	-	629.409.929	-
Cầm cổ, kỳ quỹ	1.987.384.336	-	1.748.719.336	-
Phải thu khác	1.325.325.523	-	1.760.658.090	-
Cộng	66.764.054.702	11.490.000.000	42.494.323.979	11.490.000.000
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	11.558.409.460		4.847.761.083	

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn:				
Cầm cổ, kỳ quỹ	1.522.855.765	-	-	-
Phải thu khác	151.418.426	-	-	-
Cộng	1.674.274.191	-	-	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	151.418.426		-	

4.7. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	67.858.465.234	-	57.018.533.464	-
Cộng	67.858.465.234	-	57.018.533.464	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH TM Xây dựng Phúc Vân Hà	11.490.000.000	-	Từ 3 năm trở lên	11.490.000.000	-	Từ 3 năm trở lên
Các đối tượng khác	56.368.465.234	-		56.368.465.234	10.839.931.770	
Cộng	67.858.465.234	-		67.858.465.234	10.839.931.770	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.10. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiền vận tài truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	74.561.559.754	236.584.608.170	29.704.998.985	878.876.137	341.730.043.046
Mua trong kỳ	-	203.350.000	4.643.386.169	-	4.846.736.169
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.142.324.923)	-	-	(2.142.324.923)
Tại ngày 30/06/2022	74.561.559.754	234.645.633.247	34.348.385.154	878.876.137	344.434.454.292
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	34.157.186.086	38.993.664.439	12.439.466.493	474.035.207	86.064.352.225
Khấu hao trong kỳ	2.853.225.410	11.627.346.523	1.211.175.771	7.712.864	15.699.460.568
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.142.324.923)	-	-	(2.142.324.923)
Tại ngày 30/06/2022	37.010.411.496	48.478.686.039	13.650.642.264	481.748.071	99.621.487.870
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	40.404.373.668	197.590.943.731	17.265.532.492	404.840.930	255.665.690.821
Tại ngày 30/06/2022	37.551.148.258	186.166.947.208	20.697.742.890	397.128.066	244.812.966.422

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 của TSCĐ hữu hình là 16.112.010.595 VND đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.22.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 23.929.384.020 VND.

Không có TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2022	34.637.380.528	50.086.320	549.200.000	35.236.666.848
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2022	34.637.380.528	50.086.320	549.200.000	35.236.666.848
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2022	3.292.454.737	50.086.320	503.957.000	3.846.498.057
Khấu hao trong kỳ	192.656.728	-	11.306.250	203.962.978
Tại ngày 30/06/2022	3.485.111.465	50.086.320	515.263.250	4.050.461.035
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2022	31.344.925.791	-	45.243.000	31.390.168.791
Tại ngày 30/06/2022	31.152.269.063	-	33.936.750	31.186.205.813

Quyền sử dụng đất bao gồm các thửa đất có giấy chứng nhận sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL185623 ngày 14/11/2012 thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 118 tại số 64 đường Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 6.568,6 m², nguyên giá 19.277.284.892 đồng, thời gian sử dụng đất đến 13/11/2062;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 634777 ngày 14/12/2017 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 5-22 tại xã An Vĩnh Ngãi, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An với diện tích 615 m², nguyên giá 1.335.095.636 đồng, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ161263 ngày 11/03/2011 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09 tại Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị với diện tích 136 m², nguyên giá 3.015.000.000 đồng, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T086817 ngày 18/06/2001 thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 09 tại Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị với diện tích 140 m², nguyên giá 3.015.000.000 đồng, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B1074673 ngày 20/07/2011 thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 88 tại Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân – giai đoạn 2, phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 179,1 m², nguyên giá 7.995.000.000, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình là 31.152.269.063 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.22.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 508.836.320 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá:				
Nguyên giá:				
Nhà và quyền sử dụng đất	222.760.124.834	370.000.000	-	222.390.124.834
Cộng	222.760.124.834	370.000.000	-	222.390.124.834
Tồn thất do suy giảm giá trị:				
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-
Giá trị còn lại:				
Nhà và quyền sử dụng đất	222.760.124.834	370.000.000	-	222.390.124.834
Cộng	222.760.124.834	370.000.000	-	222.390.124.834

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư là 152.160.124.834 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.22.

Không có bất động sản đầu tư hết khấu hao nhưng vẫn nắm giữ chờ tăng giá.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị đang ghi sổ.

4.13. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Khu đô thị mới Mỹ Thượng (Thừa Thiên Huế)	79.051.730.501	78.426.736.782
Cộng	79.051.730.501	78.426.736.782

4.14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Dự án siêu thị Greenmart - Đà Nẵng	72.416.851.673	72.202.236.525
Các dự án khác	3.749.281.966	3.718.265.001
Cộng	76.166.133.639	75.920.501.526

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Dự án siêu thị Greenmart – Đà Nẵng hiện đang được cầm cố theo hợp đồng cầm cố tài sản số 01/2019/242753/HĐBĐ giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

4.15. Phải trả người bán

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Công ty TNHH Lexim	162.891.543.024	162.891.543.024	-	-
Công ty TNHH GE Việt Nam	16.588.000.000	16.588.000.000	33.176.000.000	33.176.000.000
Công ty TNHH Thép Thiên Long	-	-	27.900.400.000	27.900.400.000
Các đối tượng khác	173.595.728.923	173.595.728.923	217.409.999.263	217.409.999.263
Cộng	353.075.271.947	353.075.271.947	278.486.399.263	278.486.399.263
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8	32.249.457.313	32.249.457.313	57.465.451.386	57.465.451.386
Dài hạn:				
Công ty TNHH Lexim	-	-	162.891.543.024	162.891.543.024
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Cát Tường	-	-	56.192.427.467	56.192.427.467
Cộng	-	-	219.083.970.491	219.083.970.491

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Được quét bằng CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.16. Người mua trả tiền trước**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	16.068.019.464	7.353.605.440
Công ty CP XD và PT Cơ sở Hạ tầng số 9 HN	454.545.454	137.709.352.054
Công ty TNHH Đầu tư KĐT Hàm Nghi	21.138.000.000	-
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	12.124.582.206	12.124.582.206
Các đối tượng khác	40.624.206.815	59.152.522.142
Cộng	90.409.353.939	216.340.061.842
	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Dài hạn:		
Công ty CP Malblue	8.742.072.242	8.742.072.242
Cộng	8.742.072.242	8.742.072.242
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	8.742.072.242	8.742.072.242

4.17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp
Thuế GTGT đầu ra	-	57.745.964.635	57.745.964.635	-
Thuế TNCN	57.163.406	352.990.517	393.973.752	98.146.641
Thuế TNDN	6.829.766.364	1.041.971.976	-	5.787.794.388
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	76.005.106	76.005.106	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	6.886.929.770	59.222.932.234	58.221.943.493	5.885.941.029

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trích trước chi phí lãi vay	970.718.663	890.202.198
Trích trước chi phí công trình	484.160.225.242	97.130.944.032
Trích trước chi phí mua trụ sở làm việc	2.173.436.096	2.173.436.096
Chi phí phải trả khác	182.700.000	2.531.864.071
Cộng	487.487.080.001	102.726.446.397

4.19. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Lãi bán hàng trả chậm	512.102.453	583.961.209
Cộng	512.102.453	583.961.209
Dài hạn:		
Lãi bán hàng trả chậm	583.431.463	818.064.745
Cộng	583.431.463	818.064.745

4.20. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Kinh phí công đoàn	450.018.009	409.251.175
BHXH, BHYT, BHTN	396.305.515	4.934.327
Cổ tức phải trả	993.867.100	997.683.250
Phải trả khác	547.711.197	2.089.080.700
Cộng	2.387.901.821	3.500.949.452
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	122.122.861	39.644.057

4.21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.223.374.583	1.223.374.583
Cộng	1.223.374.583	1.223.374.583

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
 Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.22. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 30/06/2022		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngắn hạn						
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	750.630.700.193	750.630.700.193	736.826.869.756	459.644.795.937	473.448.626.374	473.448.626.374
- Chi nhánh Hải Vân						
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải	391.372.288.609	391.372.288.609	351.626.830.800	330.303.528.326	370.048.986.135	370.048.986.135
- Chi nhánh Sở Giao dịch						
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	32.632.544.290	32.632.544.290	45.080.572.012	14.995.220.785	2.547.193.063	2.547.193.063
- Chi nhánh Hà Nội						
+ Ngân hàng HD Bank	96.027.699.246	96.027.699.246	103.564.499.115	21.689.182.954	14.152.383.085	14.152.383.085
- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh						
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	59.909.723.577	59.909.723.577	60.022.750.425	72.075.428.872	71.962.402.024	71.962.402.024
- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh						
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 Hồ Chí Minh	11.851.696.070	11.851.696.070	15.048.131.070	3.196.435.000	-	-
- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh						
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 Hồ Chí Minh	129.284.086.334	129.284.086.334	129.284.086.334	-	-	-
- Công ty TNHH Đông Vinh Thịnh			500.000.000	500.000.000	-	-
+ Công ty TNHH XD & DV Hà Nhất Minh			500.000.000	500.000.000	-	-
- Công ty TNHH Hoàng Phương Tùng			500.000.000	500.000.000	-	-
+ Ông Đỗ Văn Phúc			3.400.000.000	3.400.000.000	-	-
- Trần Thị Lan Hương			1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
+ Ông Lê Minh Tâm			20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
- Công ty CP VNECO-RME			6.300.000.000	11.485.000.000	12.520.000.000	12.520.000.000
+ Công ty CP VNECO 12	7.335.000.000	7.335.000.000	-	-	2.217.662.067	2.217.662.067
- Nợ dài hạn đến hạn trả	2.217.662.067	2.217.662.067	-	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	15.607.380.200	15.607.380.200	11.466.954.831	6.744.468.523	10.884.893.892	10.884.893.892
- Chi nhánh Hải Vân						
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	15.607.380.200	15.607.380.200	11.466.954.831	6.744.468.523	10.884.893.892	10.884.893.892
Cộng	766.238.080.393	766.238.080.393	748.293.824.587	466.389.264.460	484.333.520.266	484.333.520.266
Trong đó, vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	9.552.662.067	9.552.662.067			14.737.662.067	14.737.662.067

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2022		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay dài hạn:						
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	36.665.980.260	36.665.980.260	-	11.466.954.831	41.368.388.841	41.368.388.841
- Chi nhánh Hải Vân	29.901.434.010	29.901.434.010	-	11.466.954.831	41.368.388.841	41.368.388.841
+ Ông Nguyễn Trọng Hùng	2.179.537.500	2.179.537.500	2.179.537.500	-	-	-
+ Ông Nguyễn Quang Huy	2.340.633.750	2.340.633.750	2.340.633.750	-	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	2.244.375.000	2.244.375.000	2.244.375.000	-	-	-
Cộng	36.665.980.260	36.665.980.260	-	11.466.954.831	41.368.388.841	41.368.388.841
Tổng cộng	802.904.060.653	802.904.060.653	748.293.824.587	477.856.219.291	525.701.909.107	525.701.909.107

Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hải Vân	Hợp đồng số 02/2020/24275 3/HĐTD ngày 01/10/2020	810.300.000.000 VND	11 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	- Các tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp sau: + HĐ thế chấp tài sản 01/2020/242753/HĐĐĐ; + HĐ thế chấp tài sản 07/2021/242753/HĐĐĐ; + HĐ cầm cố tài sản 05/2021/242753/HĐĐĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 02/2019/242753/HĐĐĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 03/2019/242753/HĐĐĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 01/2021/242753/HĐĐĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 02/2021/242753/HĐĐĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 03/2021/242753/HĐĐĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 01/2019/242753/HĐĐĐ; + HĐ thế chấp tài sản hình thành trong tương lai 03/2020/242753/HĐĐĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 04/2021/242753/HĐĐĐ; - Không có tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Hải Hải – CN Sở giao dịch	Hợp đồng số 196/2021/HĐT D ngày	200.000.000.000 VND	8 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội	Hợp đồng số 01/2021/HDTD/VPB-VNECO ngày 05/05/2021	400.000.000.000 VND	12 tháng	7,7%/năm	Bổ sung vốn lưu động	- Không có tài sản thế chấp
Ngân hàng HD Bank - CN TP.HCM	Hợp đồng số 25508/21MN/HĐTĐ/KUNN01 ngày 30/06/2021	450.000.000.000 VND	6 tháng	8,9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	- Không có tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm	Hợp đồng số 43451.21.057.51904.TD ngày 06/08/2021	50.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	-Các tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp sau: + HĐ cầm cố tiền gửi số 9785.22.057.51904.BĐ;
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 4 Hồ Chí Minh	Hợp đồng số 01/2021-HDCVHM/NHC T 908-TCTVNECO	100.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	-Các tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp sau: + HĐ thế chấp tài sản 01/2022/HĐBĐ/PTGT/NHCT908-VNE; + HĐ thế chấp tài sản 02/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE;
	Hợp đồng cho vay từng lần số 01/2022-HDCVTL/NHC T908-TCTVNECO	40.000.000.000 VND	10 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	- Không có tài sản thế chấp
	Hợp đồng cho vay từng lần số 02/2022-HDCVTL/NHC T908-TCTVNECO	40.000.000.000 VND	10 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	- Không có tài sản thế chấp
Công ty CP Xây	Hợp đồng số	2.217.662.067	6 tháng	Phi thu	Bổ sung vốn lưu động	- Không có tài sản thế chấp

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
dựng điện Vneco 12	01/2021/HĐTX V/VNECO12-VNECO	VND		xếp vốn: 7,5%/năm	động phục vụ sản xuất kinh doanh	
Công ty CP VNECO-RME	Hợp đồng số 03/2021/HĐTX V/RME-VNECO	17.000.000.000 VND	6 tháng	Phi thu xếp vốn: 7,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	- Không có tài sản thế chấp
	Hợp đồng số 01/2022/HĐTX V/VNE-RME	6.300.000.000 VND	12 tháng	Không tính phí thu xếp vốn	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	- Không có tài sản thế chấp
Ông Lê Minh Tâm	Hợp đồng thu xếp vốn số 01/2022/HĐTX V/VNEC-LEMINTAM ngày 20/01/2022	20.000.000.000 VND	12 tháng	Không tính phí thu xếp vốn	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	-Không có tài sản thế chấp

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân	Hợp đồng số 04/2020/24275 3/HĐTD ngày 07/12/2020	19.700.000.000 VND	60 tháng	8,5%/năm	Đầu tư dự án "Mua sắm thiết bị thi công kéo dầy không chặm đất"	- Các tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp sau: + HĐ thế chấp tài sản 01/2020/242753/HĐĐĐ; + HĐ thế chấp tài sản 07/2021/242753/HĐĐĐ; + HĐ cầm có tài sản 05/2021/242753/HĐĐĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 02/2019/242753/HĐĐĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 03/2019/242753/HĐĐĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 01/2021/242753/HĐĐĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 02/2021/242753/HĐĐĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 03/2021/242753/HĐĐĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 01/2019/242753/HĐĐĐ;
	Hợp đồng số 05/2020/24275 3/HĐTD ngày 19/10/2020	5.500.000.000 VND	60 tháng	8,5%/năm	Đầu tư trụ sở văn phòng công ty VNECO Miền Trung	
	Hợp đồng số 03/2020/24275 3/HĐTD ngày	4.800.000.000 VND	60 tháng	8,5%/năm	Đầu tư mua xe ô tô BMW phục vụ điều	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
	16/10/2020				hành	03/2020/242753/HĐBĐ + HĐ thế chấp bất động sản 04/2021/242753/HĐBĐ.
	Hợp đồng số 01/2021/242753/HĐTD ngày 23/03/2021	175.000.000.000 VND	48 tháng	8,5%/năm	Đầu tư hệ thống lắp đặt turbine điện gió	
Ông Nguyễn Trọng Hùng	Hợp đồng thu xếp vốn số 1086/2022/HĐ TXV/VNECO-MT ngày 06/06/2022	2.179.537.300 VND	18 tháng	Phí thu xếp vốn: 12%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	-Không có tài sản thế chấp
Ông Nguyễn Quang Huy	Hợp đồng thu xếp vốn số 1092/2022/HĐ TXV/VNECO-MT ngày 17/06/2022	2.340.633.750 VND	18 tháng	Phí thu xếp vốn: 12%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	-Không có tài sản thế chấp
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Hợp đồng thu xếp vốn số 1089/2022/HĐ TXV/VNECO-MT ngày 10/06/2022	2.244.375.000 VND	18 tháng	Phí thu xếp vốn: 12%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	-Không có tài sản thế chấp

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.23. Vốn chủ sở hữu****4.23.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Lợi nhuận sau thuế VND	Cộng VND
			Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND		
Tại ngày 01/01/2021	904.329.530.000	2.522.600.000	6.340.505.143	(86.919.236.536)	11.985.555.466	128.675.858.658	966.934.812.731
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	27.873.537.981	27.873.537.981
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(791.023.309)	(791.023.309)
Số dư tại ngày 30/06/2021	904.329.530.000	2.522.600.000	6.340.505.143	(86.919.236.536)	11.985.555.466	155.758.373.330	994.017.327.403
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	16.456.810.098	16.456.810.098
Số dư tại ngày 01/01/2022	904.329.530.000	2.522.600.000	6.340.505.143	(86.919.236.536)	11.985.555.466	172.215.183.428	1.010.474.137.501
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	3.141.715.404	3.141.715.404
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(2.216.517.404)	(2.216.517.404)
Tại ngày 30/06/2022	904.329.530.000	2.522.600.000	6.340.505.143	(86.919.236.536)	11.985.555.466	173.140.381.428	1.011.399.335.501

(*) Tổng Công ty phân phối Lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022 NQ/VNECO-DHHCĐ ngày 29/04/2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.23.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Các cổ đông	819.340.330.000	819.340.330.000
Cổ phiếu quỹ	84.989.200.000	84.989.200.000
Cộng	904.329.530.000	904.329.530.000

4.23.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp đầu kỳ	904.329.530.000	904.329.530.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	904.329.530.000	904.329.530.000

4.23.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	90.432.953	90.432.953
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	8.498.920	8.498.920
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.498.920	8.498.920
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.934.033	81.934.033
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	81.934.033	81.934.033
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.23.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2022	11.985.555.466	6.340.505.143
Trích trong kỳ	-	-
Chi trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2022	11.985.555.466	6.340.505.143

4.23.6. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

	Tại ngày 30/06/2022 USD	Tại ngày 01/01/2022 USD
Ngoại tệ các loại USD	3.900,09	3.900,09

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	215.867.425.012	187.376.603.362
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	5.866.760.073
Doanh thu hợp đồng xây dựng	834.535.014.860	760.629.416.399
Cộng	1.050.402.439.872	953.872.779.834
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	245.407.720	511.804.514.919

5.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	217.422.962.736	188.544.590.251
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	4.997.083.843
Giá vốn hợp đồng xây dựng	785.567.718.005	700.108.059.262
Cộng	1.002.990.680.741	893.649.733.356

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.630.868.648	1.115.774.952
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	475.352.500
Lãi bán các khoản đầu tư	1.955.150.000	-
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	336.790.944
Cộng	8.586.018.648	1.927.918.396

5.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	20.960.792.109	12.461.794.202
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	1.170.457.287	-
Chi phí tài chính khác	11.712.750	-
Cộng	22.142.962.146	12.461.794.202

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.937.788.012	9.006.898.892
Chi phí đồ dùng văn phòng	370.223.854	227.843.252
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.821.042.785	2.198.337.254
Thuế, phí, lệ phí	722.561.464	442.197.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	440.610.540	243.081.196
Chi phí bằng tiền khác	4.603.969.828	3.531.098.833
Chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.839.931.770	-
Cộng	29.736.128.253	15.649.457.177

5.6. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
	100.000.000	-
Thu thanh lý tài sản	-	6.765.000
Thu bán phế liệu	-	203.344.864
Các khoản khác	-	-
Cộng	100.000.000	210.109.864
	-	167.042.000

Trong đó, thu nhập khác đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 8

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí chậm nộp BHXH, thuế	-	6.716.499
Các khoản khác	35.000.000	277.642.355
Cộng	35.000.000	284.358.854

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.183.687.380	33.965.464.505
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.026.172.500	500.286.499
Cộng:	1.026.172.500	975.638.999
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	676.000.000	618.000.000
- Chậm nộp BHXH và thuế	-	7.466.499
- Chi phí khấu hao xe ô tô vượt khung quy định	350.172.500	350.172.500
Trừ:	-	475.352.500
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	475.352.500
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	-	6.307.018.694
Tổng thu nhập tính thuế	5.209.859.880	28.158.732.310
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	5.209.859.880	27.289.056.080
- Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	869.676.230
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.041.971.976	6.055.510.057
- Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	1.041.971.976	5.457.811.216
- Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS	-	173.935.246
- Thuế TNDN tạm nộp của hoạt động kinh doanh BĐS	-	21.029.728
- Hoàn nhập thuế TNDN tạm nộp 1% của hoạt động BĐS	-	(57.446.195)
- Nộp bổ sung thuế theo Công văn số 517/TB-CT	-	460.180.062
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.041.971.976	6.055.510.057

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.900.847.618	29.859.404.818
Chi phí nhân công	13.042.539.112	11.900.022.044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.903.423.546	8.814.683.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	699.397.726.116	634.925.441.641
Chi phí khác bằng tiền	24.843.784.826	20.821.467.949
Cộng	<u><u>828.088.321.218</u></u>	<u><u>706.321.019.753</u></u>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	743.591.416.006	540.301.423.243
Cộng	<u><u>743.591.416.006</u></u>	<u><u>540.301.423.243</u></u>

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	466.389.264.460	416.867.836.899
Cộng	<u><u>466.389.264.460</u></u>	<u><u>416.867.836.899</u></u>

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tổng Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau: Hoạt động xây lắp, hoạt động bất động sản, hoạt động kinh doanh khác:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**7.1. Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2021:**

	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động bất động sản VND	Hoạt động kinh doanh khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	760.629.416.399	5.866.760.073	187.376.603.362	953.872.779.834
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	700.108.059.262	4.997.083.843	188.544.590.251	893.649.733.356
Giá vốn của bộ phận	12.479.061.916	96.251.421	3.074.143.840	15.649.457.177
Chi phí khác	48.042.295.221	773.424.809	(4.242.130.729)	44.573.589.301
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.927.918.396
Doanh thu, chi phí không phân bổ				12.461.794.202
+ Doanh thu tài chính				210.109.864
+ Chi phí tài chính				284.358.854
+ Thu nhập khác				33.965.464.505
+ Chi phí khác				6.055.510.057
Lợi nhuận trước thuế				36.416.467
Thuế TNDN hiện hành				
Thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế				<u>27.873.537.981</u>

Tại ngày 01/01/2022

	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động bất động sản VND	Hoạt động kinh doanh khác VND	Tổng cộng VND
Các thông tin khác				
Tài sản của bộ phận	1.897.797.543.241	14.637.775.786	467.511.313.466	2.379.946.632.492
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	1.897.797.543.241	14.637.775.786	467.511.313.466	2.379.946.632.492
Nợ phải trả của bộ phận	1.092.033.535.982	8.422.891.107	269.016.067.901	1.369.472.494.991
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	1.092.033.535.982	8.422.891.107	269.016.067.901	1.369.472.494.991

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**7.2. Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2022:**

	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động bất động sản VND	Hoạt động kinh doanh khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	834.535.014.860	-	215.867.425.012	1.050.402.439.872
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	785.567.718.005	-	217.422.962.736	1.002.990.680.741
Giá vốn của bộ phận	23.625.078.628	-	6.111.049.625	29.736.128.253
Chi phí khác	25.342.218.227	-	(7.666.587.349)	17.675.630.878
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
Doanh thu, chi phí không phân bổ				8.586.018.648
+ Doanh thu tài chính				22.142.962.146
+ Chi phí tài chính				100.000.000
+ Thu nhập khác				35.000.000
+ Chi phí khác				4.183.687.380
Lợi nhuận trước thuế				1.041.971.976
Thuế TNDN hiện hành				
Lợi nhuận sau thuế				3.141.715.404

	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động bất động sản VND	Hoạt động kinh doanh khác VND	Tổng cộng VND
Các thông tin khác				
Tài sản bộ phận	2.202.678.775.958	-	569.762.307.186	2.772.441.083.144
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	2.202.678.775.958	-	569.762.307.186	2.772.441.083.144
Nợ phải trả bộ phận	1.399.131.366.467	-	361.910.381.176	1.761.041.747.643
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	2.202.678.775.958	-	569.762.307.186	1.761.041.747.643

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Công ty con
2. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Công ty con
3. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Công ty con
4. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Công ty con
5. Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con
6. Công ty TNHH Điện Mặt Trời VNECO - Hòa Thắng	Công ty con
7. Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Công ty con
8. Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con
9. Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con
10. Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con
11. Công ty CP Năng lượng VNECO	Công ty con
12. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết
13. Công ty CP Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt
14. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	658.288.609	541.561.051
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	672.711.212	619.361.206
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	94.367.645.206	194.080.301.493
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	405.358.528	817.114.228
Cộng - Xem thêm mục 4.3	<u>96.104.003.555</u>	<u>196.058.337.978</u>
	<u>Tại ngày 30/06/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>
Phải thu khách hàng dài hạn:		
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 3	955.635.143	1.361.168.734
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 8	1.241.023.521	1.556.712.948
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	2.225.647.109	2.225.647.109
Cộng - Xem thêm mục 4.3	<u>4.422.305.773</u>	<u>5.143.528.791</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu về thu xếp vốn có tính lãi ngắn hạn:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	3.328.395.436	-
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	120.530.000.000	92.486.000.000
Công ty Cổ phần VNECO-RME	8.450.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	1.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Malblue	1.212.032.740	1.460.732.740,00
Cộng - Xem thêm mục 4.5	135.220.428.176	93.946.732.740

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu về thu xếp vốn có tính lãi dài hạn:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng - Xem thêm mục 4.5	1.000.000.000	1.000.000.000

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Người mua trả tiền trước:		
Công ty Cổ phần Malblue	8.742.072.242	8.742.072.242
Cộng - Xem thêm mục 4.16	8.742.072.242	8.742.072.242

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	-	3.891.145.625
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	39.072.791	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng năng lượng VNECO	30.000.000	-
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	-	190.329.843
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	454.935.002	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	2.304.912.072	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	-	-
Cộng - Xem thêm mục 4.4	2.828.919.865	4.081.475.468

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả khác:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	122.122.861	39.644.057
Cộng - Xem thêm mục 4.20	122.122.861	39.644.057
	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khác ngắn hạn:		
Công ty CP Xây Dựng điện VNECO 12	65.313.926	1.200.000
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	8.124.820.051	2.458.093.715
Công ty TNHH Điện Mặt Trời VNECO - Hòa Thắng	433.433.964	433.433.964
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	1.074.865.642	613.432.267
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	809.410.540	452.528.916
Công ty cổ phần VNECO-RME	82.200.000	82.200.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	186.976.648	329.619.966
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	776.868.141	472.731.707
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	4.520.548	4.520.548
Cộng - Xem thêm mục 4.6	11.558.409.460	4.847.761.083
	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khác dài hạn:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	151.418.426	-
Cộng - Xem thêm mục 4.6	151.418.426	-
	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Vay và nợ thuê tài chính:		
Công ty Cổ phần VNECO-RME	7.335.000.000	12.520.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	2.217.662.067	2.217.662.067
Cộng - Xem thêm mục 4.22	9.552.662.067	14.737.662.067

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thu xếp vốn có tính lãi:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	-	1.700.000.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	9.429.837.969	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	27.914.000.000	-
Công ty cổ phần VNECO-RME	16.850.000.000	-
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	816.065.700	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	4.700.000.000	-
Cộng	<u>59.709.903.669</u>	<u>2.700.000.000</u>
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thu hồi thu xếp vốn có tính lãi:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	-	2.738.305.378
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	6.101.442.533	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	-	1.011.917.808
Công ty cổ phần VNECO-RME	8.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Malblue	248.700.000	-
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	816.065.700	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	3.000.000.000	-
Cộng	<u>18.566.208.233</u>	<u>3.750.223.186</u>
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng :		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	48.500.000	62.042.000
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	-	507.936.609.913
Công ty TNHH MTV Xây dựng năng lượng VNECO	196.907.720	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	-	45.000.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	-	30.000.000
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	-	3.730.863.006
Cộng - Xem thêm mục 5.1	<u>245.407.720</u>	<u>511.804.514.919</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua khối lượng xây lắp, vật tư, TSCĐ:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	6.734.238.198	1.955.551.566
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	2.913.299.240	1.830.905.645
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	5.014.698.202	8.983.485.899
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	20.247.769.840	17.587.674.122
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	-	15.387.582.472
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	14.828.164.572	8.126.014.718
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	3.450.419.766	4.096.761.047
Công ty Cổ phần VNECO - RME	33.914.611.133	6.540.772.418
Cộng	87.103.200.951	64.508.747.887
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi từ hợp đồng thu xếp vốn và lãi trả chậm:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	134.496.568	88.248.324
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	-	116.120.342
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	97.105.263	100.925.994
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	64.113.926	88.086.732
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	4.073.053.768	-
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	132.025.061	89.350.847.00
Cộng	4.500.794.586	482.732.239
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập khác:		
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 12	-	30.000.000
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	-	30.000.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 8	-	62.042.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 3	-	45.000.000
Cộng	-	167.042.000
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Đầu tư vốn:		
Công ty Cổ phần VNECO - RME	-	15.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	-	500.000.000
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	-	58.200.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	-	1.000.000.000
Công Ty Cổ phần Xây Dựng Điện VNECO 10	1.000.000.000	-
Cộng	1.000.000.000	74.700.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các khoản thu nhập khác được hưởng trong năm như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao HĐQT:		
Ông Nguyễn Anh Tuấn	360.000.000	301.000.000
Ông Đào Ngọc Quỳnh	135.857.000	43.000.000
Ông Trần Quang Cán	42.000.000	42.000.000
Ông Phạm Phú Mai	42.000.000	43.000.000
Ông Nguyễn Tịnh	42.000.000	42.000.000
Ông Đoàn Đức Hồng	-	60.000.000

Cộng	621.857.000	531.000.000
-------------	--------------------	--------------------

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc:		
Ông Trần Quang Cán	368.091.000	327.454.490
Ông Nguyễn Tịnh	248.162.000	261.494.949
Ông Trần Văn Huy	248.162.000	250.316.316
Ông Lê Văn Khôi	248.010.000	251.931.139
Ông Phạm Hữu Minh Huy	243.365.000	264.072.930

Cộng	1.355.790.000	1.355.269.824
-------------	----------------------	----------------------

9. THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	150.000.000	154.540.000
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	24.000.000	25.000.000
Ông Lê Chí Dũng	16.000.000	117.872.232
Bà Nguyễn Thị Như	8.000.000	-

Cộng	198.000.000	297.412.232
-------------	--------------------	--------------------

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/06/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/06/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng (Gồm 310.000.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000.000 đồng tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng nói trên.

Theo bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Hứa Thị Phần và các bị cáo khác phạm tội "Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng", do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 đồng trong 400.000.000.000 đồng mà bà Ngô Kim Huệ chuyển cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 đồng cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Hiện tại Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm.

Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty về việc buộc Tổng Công ty phải hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 đồng được xác định là vật chứng vụ án cho Ngân hàng TNHH MTV Xây dựng Việt Nam.

11. CAM KẾT GÓP VỐN

Tại ngày 30/06/2022, tình hình cam kết góp vốn điều lệ vào công ty con như sau:

	Cam kết góp vốn trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty	Số vốn của Tổng Công ty đã góp đến ngày 30/06/2022	Số vốn Tổng Công ty còn phải góp tại ngày 30/06/2022
	VND	%	VND	VND
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	12.000.000.000	100%	1.631.184.792	10.368.815.208
Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng	200.000.000.000	100%	20.000.000.000	180.000.000.000
Công ty CP Năng lượng VNECO	51.000.000.000	51%	-	51.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	50.000.000.000	100%	20.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	100.000.000.000	100%	1.000.000.000	99.000.000.000
Công ty Cổ phần VNECO - RME	25.500.000.000	51%	15.000.000.000	10.500.000.000

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ/VNECO - ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 904.329.530.000 đồng lên 1.404.329.530.000 đồng. Hình thức phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ: phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Do các lý do khách quan và chưa được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Công ty chưa thực hiện triển khai tăng vốn điều lệ từ 904.329.530.000 đồng lên 1.404.329.530.000 đồng. HĐQT đã được ĐHĐCĐ giao và ủy quyền lựa chọn và quyết định thời điểm thực hiện phù hợp để phát hành tăng vốn dự kiến trong năm 2022 và sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ/VNECO - ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 đã thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Số lượng phát hành: 4.096.701 cổ phiếu; Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 40.967.010.000 đồng.

Do các lý do khách quan và chưa được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Công ty chưa thực hiện triển khai việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

Ngoài các sự kiện trên, không có các sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trần Quang Cán
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Phạm Đỗ Minh Triết
Kế toán trưởng

Võ Quang
Người lập